

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 323/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2022
“V/v Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Tới
2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Ông Nguyễn Đồng Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 381/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2022 về việc “*Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 297/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thùy T, Sinh năm: 1984 (xin vắng mặt)
Cư trú: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tuấn D, Sinh năm: 1982 (vắng mặt)
Cư trú: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S. Vợ chồng có ba người con chung: Cháu Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 03/02/2008, cháu Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 23/3/2010 và cháu Nguyễn Hiếu A, sinh ngày 14/8/2017 hiện tại các cháu đang sống với chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, chị xét thấy không còn tình cảm với anh D, mối quan hệ hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi các con chung cháu Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 03/02/2008, cháu Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 23/3/2010 và cháu Nguyễn Hiếu A, sinh ngày 14/8/2017, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn anh Nguyễn Tuấn D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh D không có văn bản gửi đến Tòa án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Nguyễn Thùy T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Tuấn D, anh D có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự về việc “*Ly hôn, nuôi con*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị Nguyễn Thùy T và anh Nguyễn Tuấn D chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn S theo giấy chứng nhận kết hôn số 83 ngày 11/3/2005, do đó hôn nhân của anh chị hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chị và anh D hiện tại đã sống ly thân, chị yêu cầu được ly hôn với anh D, anh D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh D không có văn bản gửi đến Tòa án về khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị T. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng anh chị không làm được điều đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, Tòa án tiến hành làm việc với ông Nguyễn Văn T là cha ruột của anh D, ông T xác định gia đình đã hòa giải tình cảm vợ chồng giữa Đ và T nhiều lần nhưng không thành. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn với anh D là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Xét về con chung, cấp dưỡng:* Chị T yêu cầu được nuôi các con chung cháu Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 03/02/2008, cháu Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 23/3/2010 và cháu Nguyễn Hiếu A, sinh ngày 14/8/2017. Đối với cháu Nhân theo chị T trình bày hiện tại cháu N bệnh trầm cảm, nhưng cháu N vẫn đi học bình thường, Tòa án đã tiến hành xác minh và làm việc để ghi ý kiến của cháu N, tuy nhiên cháu N không đồng ý tiếp xúc với người lạ, do đó Tòa án không ghi ý kiến của cháu N. Đối với cháu Nguyễn Hiếu H, tại văn bản ghi ý kiến của cháu H ngày 22/7/2022, cháu H có ý kiến khi cha mẹ cháu ly hôn nguyện vọng của cháu được sống với mẹ (chị Nguyễn Thùy T). Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cháu N, cháu

H và cháu Anh đang sống cùng với chị T, để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu. Do đó tiếp tục giao cháu N, cháu H và cháu A cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh D có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này và anh D tôn trọng quyền của các cháu được sống với chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] *Xét về tài sản chung, nợ chung*: Chị T xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án anh D không có văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cũng như Tòa án không ghi được ý kiến của anh D. Trường hợp sau này nếu anh D và chị T không thỏa thuận được và phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[3] *Xét về án phí*: Chị T là người yêu cầu nên phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của chị Nguyễn Thùy T về việc yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Tuấn D.

- Con chung: Tiếp tục giao các cháu Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 03/02/2008, cháu Nguyễn Hiếu H, sinh ngày 23/3/2010 và cháu Nguyễn Hiếu A, sinh ngày 14/8/2017 cho chị Nguyễn Thùy T nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu N, cháu H và cháu A đủ 18 tuổi. Anh D có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này và anh D tôn trọng quyền của các cháu được sống với chị T.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị T đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng theo biên lai số 0005005 ngày 20/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị T, anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Đốc;
- Đường sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Len

